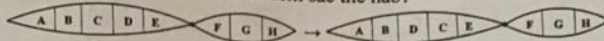


Đề thi

PHẦN II. SINH HỌC (15 câu; 2,5 điểm)

Câu 31: Hình dưới đây mô tả dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể nào?



- A. Lặp đoạn. B. Đảo đoạn. C. Chuyển đoạn. D. Mất đoạn.

Câu 32: Hiện tượng thoái hóa giống ở thực vật **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A. Cơ thể lai F₁ có sức sống cao, phát triển mạnh hơn thế hệ bố mẹ.
B. Các cá thể của thế hệ tiếp có sức sống giảm dần.
C. Các cá thể của thế hệ tiếp phát triển chậm, nhiều cây bị chết.
D. Các cá thể của thế hệ tiếp có năng suất giảm dần.

Câu 33: Tập hợp nào sau đây được gọi là quần thể?

- A. Tập hợp các con cá rô phi trong đầm Vạc.
B. Tập hợp các con ốc trong hồ Đại Lải.
C. Tập hợp các cây cỏ trên cánh đồng lúa ở Lập Thạch.
D. Tập hợp các con chim trong vườn quốc gia Tam Đảo.

Câu 34: Quá trình nguyên phân diễn ra theo trình tự nào sau đây?

- A. Kì đầu → Kì giữa → Kì cuối.
B. Kì đầu → Kì giữa → Kì cuối → Kì sau.
C. Kì giữa → Kì đầu → Kì sau → Kì cuối.
D. Kì đầu → Kì giữa → Kì sau → Kì cuối.

Câu 35: Theo lý thuyết, quá trình giảm phân ở cơ thể có kiểu gen nào sau đây tạo ra giao tử aB?

- A. aaBB. B. AaBb. C. Aabb. D. AaBB.

Câu 36: Ở cá chucha, alen A quy định quả đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định quả vàng; alen B quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen b quy định quả dài. Cho biết các gen nằm trên các NST thường khác nhau và quá trình giảm phân không xảy ra đột biến. Theo lý thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình quả đỏ, tròn chiếm tỉ lệ nhỏ nhất?

- A. AaBB × AaBb. B. AaBb × aaBb. C. AAbb × AaBB. D. AaBB × aabb.

Câu 37: Đối tượng nghiên cứu di truyền của Moocgan là

- A. ruồi giấm. B. nấm. C. chim Bồ câu. D. đậu Hà Lan.

Câu 38: Phân tử nào sau đây được dùng làm khuôn để tổng hợp chuỗi axit amin?

- A. tARN. B. mARN. C. Prôtêin. D. ADN.

Câu 39: Một loài thực vật, xét 2 cặp NST kí hiệu là D, d và E, e. Cơ thể có bộ NST nào sau đây là thể một?

- A. DdEe. B. Ddeee. C. dEE. D. DDEE.

Câu 40: Ở một loài thực vật, biết mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Theo lý thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con phân ly kiểu hình theo tỉ lệ 1:1.

- A. $\frac{AB}{AB} \times \frac{AB}{AB}$. B. $\frac{aB}{ab} \times \frac{ab}{ab}$. C. $\frac{Ab}{aB} \times \frac{Ab}{aB}$. D. $\frac{AB}{ab} \times \frac{Ab}{aB}$.

Câu 41: Một tế bào sinh dưỡng của một loài có 2n = 16 thực hiện quá trình nguyên phân bình thường. Ở kì sau của quá trình nguyên phân, tế bào này có bao nhiêu NST?

- A. 16 NST kép. B. 16 NST đơn. C. 32 NST kép. D. 32 NST đơn.

Câu 42: Ví dụ nào sau đây thể hiện quan hệ hỗ trợ khác loài trong quần xã sinh vật?

- A. Cỏ dại và lúa trong một ruộng lúa.
B. Hươu và hổ cùng sống trong một cánh rừng.
C. Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
D. Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.

Câu 43: Một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể 2n = 14, số lượng nhiễm sắc thể có trong tế bào sinh dưỡng của thể tam bội được phát sinh từ loài này là

- A. 42. B. 15. C. 21. D. 28.

Câu 44: Một đoạn mạch đơn của ADN có trình tự nucleotit như sau: -A-T-G-X-X-T-A-X-. Đoạn mạch đơn bổ sung với đoạn mạch này có trình tự nucleotit là

- A. -T-A-G-X-X-A-T-G-. B. -T-A-X-G-G-A-T-G-. C. -T-A-G-X-G-A-T-G-. D. -T-A-X-G-X-A-T-G-.

Câu 45: Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố hữu sinh?

- A. Ánh sáng. B. Động vật. C. Độ ẩm môi trường. D. Nhiệt độ môi trường.

PHẦN III. ĐỊA LÍ (15 câu; 2,5 điểm)

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tây Ninh. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Đà Nẵng.

Câu 48: Nguồn điện chủ yếu ở nước ta là

- A. thủy điện và điện nguyên tử.
B. điện nguyên tử và điện thủy triều.
C. nhiệt điện và thủy điện.
D. điện Mặt Trời và điện gió.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Cố đô Huế. C. Di tích Mỹ Sơn. D. Phố cổ Hội An.

Câu 50: Cây nào sau đây là cây lương thực chính ở nước ta?

- A. Ngô. B. Khoai. C. Lúa. D. Sắn.

Câu 51: Cho bảng số liệu:
SỐ DÂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIAI ĐOẠN 1995 - 2019

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1995	2005	2017	2019
Tổng số dân	72,0	82,4	93,4	96,2
Số dân thành thị	14,9	22,3	32,8	33,1
Số dân nông thôn	57,1	60,1	60,6	63,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu dân số của nước ta phân theo thành thị và nông thôn giai đoạn 1995 - 2019?

- A. Tỷ lệ dân thành thị tăng.
B. Tỷ lệ dân nông thôn luôn cao hơn thành thị.
C. Tỷ lệ dân nông thôn giảm.
D. Tỷ lệ dân thành thị và nông thôn đều tăng.
- Câu 52:** Vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ có thể mạnh giống nhau là
A. khai thác dầu khí.
B. khai thác thủy sản.
C. khai thác, chế biến lâm sản.
D. trồng cây công nghiệp lâu năm.
- Câu 53:** Vùng gò đồi của Bắc Trung Bộ có thể mạnh nổi bật để phát triển ngành nào sau đây?
A. Trồng cây công nghiệp hàng năm.
B. Chăn nuôi trâu, bò.
C. Trồng cây công nghiệp lâu năm.
D. Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.
- Câu 54:** Nguyên nhân cơ bản nào sau đây làm cho Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước?
A. Địa hình bằng phẳng.
B. Cơ sở hạ tầng tốt.
C. Lịch sử khai thác lâu đời.
D. Trình độ thâm canh cao.
- Câu 55:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2018

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2015	2018
Cây công nghiệp hàng năm	861,5	797,6	676,8	580,7
Cây công nghiệp lâu năm	1633,6	2010,5	2154,5	2222,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

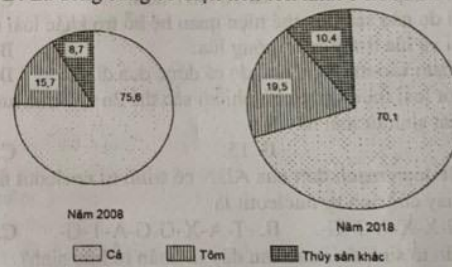
Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2018, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đường.
B. Biểu đồ cột.
C. Biểu đồ miền.
D. Biểu đồ tròn.
- Câu 56:** Đồng bằng sông Cửu Long **không** có đặc điểm nào sau đây?
A. Đất phèn và đất mặn chiếm diện tích lớn.
B. Đất bị xâm thực, xói mòn chiếm diện tích lớn.
C. Đất phù sa ngọt phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu.
D. Là đồng bằng có diện tích lớn nhất ở nước ta.

Câu 57: Cho biểu đồ:

Biểu đồ bên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng các loại thủy sản nuôi trồng của Việt Nam năm 2008 và năm 2018.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng của Việt Nam giai đoạn 2008 - 2018.
C. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của Việt Nam năm 2008 và năm 2018.
D. Giá trị các loại sản lượng thủy sản nuôi trồng của Việt Nam năm 2008 và năm 2018.



(Nguồn: số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Câu 58: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có thể mạnh kinh tế nổi bật nào sau đây?

- A. Phát triển thủy điện.
B. Phát triển kinh tế biển.
C. Khai thác dầu khí.
D. Trồng cây lương thực.
- Câu 59:** Trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dân tộc nào sau đây có số dân đông nhất?
A. Thái.
B. Kinh.
C. Mường.
D. Tày.

Câu 60: Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu của nước ta là những mặt hàng nào sau đây?

- A. Hàng tiêu dùng, các loại nông sản.
B. Hàng tiêu dùng, lâm sản, thủy sản.
C. Hàng thủy sản, lương thực, thực phẩm.
D. Máy móc thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Trang 4/4 - Mã đề thi 132

Đáp án

31	32	33	34	35	36	37	38
<u>B</u>	A	A	<u>D</u>	A	<u>B</u>	A	<u>B</u>
39	40	41	42	43	44	45	
<u>C</u>	<u>B</u>	<u>D</u>	<u>C</u>	<u>C</u>	<u>B</u>	<u>B</u>	

46	47	48	49	50	51	52	53
<u>D</u>	<u>B</u>	<u>C</u>	A	<u>C</u>	<u>D</u>	<u>D</u>	<u>B</u>
54	55	56	57	58	59	60	
<u>D</u>	A	<u>B</u>	<u>C</u>	<u>B</u>	<u>B</u>	<u>D</u>	